

CÔNG TY TNHH QUỐC HUY VINA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUỐC HUY VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2300976420

3. Ngày thành lập: 07/03/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 27, đường Lê Hồng Phong, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0902087878

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất sợi	1311
2.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
6.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
7.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
8.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
9.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
10.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
11.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
12.	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì	1702
13.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bì chưa được phân vào đâu	1709
14.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
15.	Đóng tàu và cấu kiện nổi	3011
16.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
17.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
18.	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)	1322
19.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
20.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513

Thời gian đăng từ ngày 07/03/2017 đến ngày 06/04/2017

21.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
22.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
23.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
24.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
25.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
26.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lều lưu động hoặc tại chợ	4781
27.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
28.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
29.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
30.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
31.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
32.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
33.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lều trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
34.	Bán mô tô, xe máy	4541
35.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
36.	Phá dỡ	4311
37.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
38.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
39.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
40.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
41.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
42.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
43.	Sản xuất đường	1072
44.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
45.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
46.	Sản xuất rượu vang	1102
47.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
48.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
49.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
50.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
51.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
52.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
53.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
54.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023

55.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
56.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
57.	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
58.	Chế biến, bảo quản thuỷ sản và các sản phẩm từ thuỷ sản	1020
59.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
60.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
61.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
62.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
63.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
64.	Sản xuất thảm, chăn đệm	1323
65.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
66.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
67.	Sản xuất xe có động cơ	2910
68.	Sản xuất đầu máy xe lửa, xe điện và toa xe	3020
69.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
70.	Bán buôn thực phẩm	4632
71.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
72.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
73.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
74.	Sản xuất giày dép	1520
75.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
76.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
77.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
78.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
79.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
80.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
81.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
82.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
83.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
84.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
85.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
86.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
87.	Sản xuất nhạc cụ	3220
88.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
89.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
90.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399

91.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
92.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
93.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
94.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
95.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
96.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
97.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
98.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
99.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
100.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
101.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
102.	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
103.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
104.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
105.	Bán buôn gạo	4631
106.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
107.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
108.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
109.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
110.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
111.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
112.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
113.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
114.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
115.	Xây dựng nhà các loại	4100(Chính)
116.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
117.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
118.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
119.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
120.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
121.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
122.	Đúc kim loại màu	2432
123.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
124.	Sản xuất máy luyện kim	2823
125.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410

126.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
127.	Bán buôn tổng hợp	4690
128.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
129.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
130.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
131.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
132.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
133.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
134.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
135.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
136.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
137.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
138.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
139.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
140.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
141.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
142.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
143.	Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan	3030
144.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
145.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
146.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
147.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
148.	Sao chép bản ghi các loại	1820
149.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
150.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
151.	Đúc sắt, thép	2431
152.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
153.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
154.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
155.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
156.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
157.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310

158.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
159.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
160.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
161.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
162.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
163.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
164.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
165.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
166.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
167.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
168.	Bán buôn đồ uống	4633
169.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
170.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
171.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
172.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
173.	Sản xuất đồng hồ	2652
174.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
175.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
176.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
177.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1321
178.	In ấn	1811
179.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
180.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
181.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
182.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
183.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
184.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
185.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
186.	Sản xuất than cốc	1910
187.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
188.	Cắt tạo đá và hoàn thiện đá	2396
189.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
190.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1329
191.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1324
192.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623

193.	Xây dựng công trình công ích	4220
194.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
195.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
196.	Chi chú: Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư.	<i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i>

6. Vốn điều lệ: 2.968.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	BACH QUỐC CÔNG	Số 27, đường Lê Hồng Phong, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	1.988.560.000	67,000	125399341	
2	NGUYỄN THỊ TUYẾN	Số 27, đường Lê Hồng Phong, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	979.440.000	33,000	125002947	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: BACH QUỐC CÔNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/09/1978

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125399341

Ngày cấp: 22/10/2013

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 27, đường Lê Hồng Phong, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 27, đường Lê Hồng Phong, Phường Kinh Bắc, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh